

Số: 2179 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 19 tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 01 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã;

Căn cứ Quyết định số 272/2005/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể;

Căn cứ Quyết định số 59/2007/QĐ-BTC ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh tại Tờ trình số 37/TTr-LMHTX ngày 25 tháng 7 năm 2013 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1538/TTr-SNV ngày 18/10/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã, Giám đốc Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Liên minh HTX Việt Nam;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT;
- Như Điều 2;
- Sở Nội vụ: 03 bản;
- CN Ngân hàng Nhà nước tỉnh;
- LĐVP, Phòng: NC-NgV, KTN, KTTH;
- Lưu: VT(T-QD225-25/10).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trâm

ĐIỀU LỆ

**Tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã
tỉnh Bình Phước**

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 2179 /QĐ-UBND
ngày 19 tháng 11 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Địa vị pháp lý của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

1. Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Bình Phước (sau đây gọi tắt là Quỹ) là tổ chức tài chính nhà nước được thành lập theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Quỹ chịu sự quản lý của Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có vốn điều lệ, có bảng cân đối kế toán riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh và các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật.

3. Tên giao dịch tiếng Anh của Quỹ: Binh Phuoc Co-operative Assistance Fund (tên viết tắt BP CAF).

4. Trụ sở của Quỹ: Đặt tại Liên minh Hợp tác xã tỉnh Bình Phước (Số 836, Quốc lộ 14, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước).

Điều 2. Mục đích hoạt động.

Hoạt động của Quỹ nhằm mục đích hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; hỗ trợ các hoạt động đổi mới phát triển sản phẩm; đổi mới phát triển công nghệ, kỹ thuật; phát triển thị trường, mở rộng tiêu thụ sản phẩm; xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác mới, các mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã điển hình tiên tiến, tổ hợp tác làm ăn hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động.

1. Hoạt động của Quỹ không vì mục đích lợi nhuận nhưng phải bảo toàn vốn và bù đắp được chi phí quản lý.

2. Quỹ được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước đối với các hoạt động hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác theo mục đích hoạt động quy định tại Điều 2, Điều lệ này.

Chương II
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ HỖ TRỢ
PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ

Điều 4. Nhiệm vụ của Quỹ.

1. Tiếp nhận nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh giao; huy động vốn đóng góp tự nguyện của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, các nguồn tài chính trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và quy định của Điều lệ này để tạo nguồn vốn hỗ trợ phát triển các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác.
2. Tiếp nhận, quản lý các nguồn vốn tài trợ, viện trợ, vốn uỷ thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phục vụ cho các hoạt động và thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác theo quy định của pháp luật.
3. Thực hiện cho vay đầu tư, hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc cho các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác có dự án đầu tư, phương án kinh doanh khả thi.
4. Quản lý vốn và tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật.
5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh giao, theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 5. Quyền hạn của Quỹ.

1. Được huy động, quản lý và sử dụng các nguồn vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Được quyền lựa chọn các dự án, phương án để quyết định việc hỗ trợ, uỷ thác hỗ trợ, cho vay, nhận uỷ thác cho vay.
3. Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định các dự án, phương án vay vốn, xin hỗ trợ, tài trợ của Quỹ.
4. Được yêu cầu các đơn vị có dự án, phương án đang được Quỹ xem xét hoặc đã được Quỹ hỗ trợ cung cấp các thông tin có liên quan về tình hình hoạt động, sản xuất, kinh doanh, tình hình tài chính, tín dụng.
5. Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ cũng như những vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án, phương án của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác được Quỹ hỗ trợ.
6. Đình chỉ việc hỗ trợ, cho vay, uỷ thác hoặc thu hồi vốn trước hạn, phát mại tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ; khởi kiện theo quy định của pháp luật đối với các đơn vị, cá nhân vi phạm các cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước liên quan đến hoạt động của Quỹ.



7. Từ chối yêu cầu cung cấp thông tin, nguồn tài chính, nhân lực của Quỹ cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào, nếu những yêu cầu đó trái với quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

8. Quan hệ trực tiếp với các tổ chức, cá nhân trong nước để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ. Quan hệ trực tiếp với tổ chức, cá nhân nước ngoài để thực hiện nhiệm vụ của Quỹ khi được UBND tỉnh cho phép.

9. Được cử cán bộ, nhân viên của Quỹ đi nghiên cứu, học tập, công tác, khảo sát về chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

10. Được sử dụng vốn nhàn rỗi không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để mua trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật và quy định của Điều lệ này.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ

Điều 6. Các hoạt động của Quỹ.

1. Tiếp nhận nguồn vốn ngân sách tỉnh giao; huy động và tiếp nhận nguồn vốn đóng góp tự nguyện của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, các nguồn tài chính trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và quy định của Điều lệ này để tạo nguồn vốn hỗ trợ phát triển các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh.

2. Cho vay đầu tư.

3. Hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc.

4. Ủy thác cho vay, hỗ trợ.

5. Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn ủy thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cho vay, hỗ trợ đầu tư hoặc tài trợ cho các hoạt động, nhiệm vụ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác.

6. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ, viện trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động và thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác.

7. Mua trái phiếu Chính phủ.

8. Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này nhưng không được đầu tư chứng khoán hoặc góp vốn dưới hình thức kinh doanh chứng khoán.

Điều 7. Cho vay đầu tư.

1. Đối tượng được cho vay đầu tư: Là các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh có nhu cầu, có dự án vay vốn đầu tư khả thi để đổi mới phát triển sản phẩm, đổi mới phát triển công nghệ, kỹ thuật; phát triển thị trường, mở rộng tiêu thụ sản phẩm; xây dựng, phát triển và nhân rộng mô hình mới, mô hình điển hình tiên tiến. Căn cứ vào khả năng nguồn vốn của Quỹ và nhu cầu vay vốn:

Hội đồng quản lý Quỹ xem xét quy định danh mục ưu tiên cho vay trong từng thời kỳ.

2. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục, quy trình vay vốn, thu hồi vốn vay, cho vay lại, gia hạn nợ, chuyển và xử lý nợ quá hạn thực hiện theo Quy chế cho vay, hỗ trợ do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành. Chủ đầu tư có đủ các điều kiện sau đây được xem xét vay vốn từ Quỹ:

- a) Thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 của Điều này.
- b) Đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của Nhà nước.
- c) Có phương án sản xuất, kinh doanh có lãi và phương án bảo đảm trả được nợ gốc và lãi.
- d) Có cam kết mua bảo hiểm đối với tài sản hình thành từ vốn vay thuộc đối tượng mua bảo hiểm bắt buộc tại một công ty bảo hiểm được phép hoạt động tại Việt Nam.

3. Hạn mức vốn cho vay:

a) Quỹ xem xét, quyết định mức vốn cho vay đối với từng dự án cụ thể nhưng tối đa không quá 80 (tám mươi) % tổng mức đầu tư của dự án.

b) Thẩm quyền quyết định hạn mức cho vay của Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ: Giám đốc Quỹ quyết định mức cho vay dưới 500 (năm trăm) triệu đồng trở xuống, tối đa không quá 60 (sáu mươi) % tổng mức đầu tư của dự án và không quá 05 (năm) % tổng vốn hoạt động của Quỹ. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức vốn cho vay từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên, tối đa không quá 80 (tám mươi) % tổng mức đầu tư của dự án và không quá 10 (mười) % tổng vốn hoạt động của Quỹ. Trường hợp vượt quá 10 (mười) % tổng vốn hoạt động của Quỹ phải được tập thể Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định theo quy định của pháp luật.

4. Lãi suất cho vay vốn của Quỹ phải phù hợp với từng thời kỳ và thực hiện theo mức lãi suất cho vay của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.

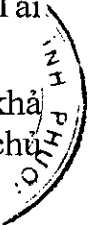
5. Thời hạn cho vay vốn do Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở khả năng thu hồi vốn, phù hợp với đặc điểm của từng dự án và khả năng trả nợ của chủ đầu tư, nhưng tối đa không quá 05 (năm) năm.

6. Bảo đảm tiền vay:

a) Trong từng trường hợp cụ thể Quỹ quyết định các hình thức bảo đảm tiền vay đối với từng dự án, bao gồm: Cầm cố, thế chấp, bảo lãnh của bên thứ ba, bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay hoặc không có bảo đảm bằng tài sản và phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

b) Trình tự, thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay.

7. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro:



a) Đối với những dự án gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng (thiên tai, hoả hoạn, động đất, dịch bệnh...), dẫn đến không hoàn trả được một phần hoặc toàn bộ vốn vay thì được xem xét, xử lý rủi ro theo các hình thức: Gia hạn nợ, khoan nợ, xoá nợ (bao gồm xoá nợ gốc và nợ lãi).

b) Giám đốc Quỹ quyết định việc gia hạn nợ. Thời hạn gia hạn nợ tối đa bằng 1/3 (một phần ba) thời hạn trả nợ ghi trong hợp đồng tín dụng ban đầu.

c) Việc khoan nợ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ:

- Thời hạn khoan nợ tối đa 03 (ba) năm. Trong thời hạn khoan nợ, chủ dự án không phải trả lãi phát sinh của số nợ được khoan, nhưng có trách nhiệm hoàn trả số lãi còn nợ Quỹ (nếu có). Hết hạn khoan nợ, chủ dự án có trách nhiệm hoàn trả Quỹ đầy đủ số vốn gốc đã được khoan nợ.

- Hết thời hạn khoan nợ, nếu chủ dự án có điều kiện trả nợ nhưng cố tình chây ỳ không trả nợ thì Quỹ chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật, khởi kiện chủ dự án ra toà án để xử lý nợ theo quy định của pháp luật; nếu chủ dự án thực sự không còn khả năng trả nợ thì Quỹ xem xét để xử lý xoá nợ theo quy định.

d) Việc xoá nợ lãi, xoá nợ gốc do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Hình thức này áp dụng cho các trường hợp quy định tại điểm a, khoản 7, Điều 7, Điều lệ này nhưng chủ đầu tư của dự án không còn khả năng trả nợ sau khi đã tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán.

Điều 8. Hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc.

1. Đối tượng được Quỹ xem xét hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc là các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu hỗ trợ, có phương án hoạt động khả thi để đổi mới và phát triển sản phẩm, đổi mới phát triển công nghệ, kỹ thuật; phát triển thị trường, mở rộng tiêu thụ sản phẩm; xây dựng, phát triển và nhân rộng mô hình mới, mô hình điển hình tiên tiến.

2. Điều kiện hỗ trợ, hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ, thu hồi vốn thực hiện theo Quy chế cho vay, hỗ trợ, do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

3. Hạn mức hỗ trợ:

a) Mức hỗ trợ tùy thuộc vào từng dự án, nhưng bảo đảm mức tối đa 80 (tám mươi) % kinh phí thực hiện đối với một dự án.

b) Thẩm quyền quyết định hạn mức hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc của Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ: Giám đốc Quỹ quyết định mức hỗ trợ từ 100 (một trăm) triệu đồng trở xuống, tối đa không quá 50 (năm mươi) % kinh phí thực hiện đối với một dự án và không quá 02 (hai) % tổng vốn hoạt động của Quỹ. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức hỗ trợ, tài trợ trên 100 (một trăm) triệu đồng, tối đa không quá 80 (tám mươi) % kinh phí thực hiện đối với một dự án và không quá 05 (năm) % tổng vốn hoạt động của Quỹ. Trường hợp vượt quá 05 (năm) % tổng

vốn hoạt động của Quỹ phải được tập thể Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định theo quy định của pháp luật.

4. Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định thời hạn hoàn lại khoản hỗ trợ đối với từng dự án, nhưng tối đa không quá 03 (ba) năm.

5. Để bù đắp chi phí, Quỹ được thu phí quản lý khi thực hiện hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc cho các phương án xin hỗ trợ của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Mức phí quản lý bằng 02 (hai) %/năm/số vốn hỗ trợ có hoàn lại.

6. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro đối với việc hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc:

a) Trường hợp phương án được hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng (thiên tai, hoả hoạn, động đất, dịch bệnh...), dẫn đến không hoàn trả được một phần hoặc toàn bộ vốn hỗ trợ thì được xem xét, xử lý rủi ro theo các hình thức: Khoanh nợ, xoá nợ.

b) Việc khoanh nợ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

- Thời hạn khoanh nợ tối đa là 03 (ba) năm. Trong thời hạn khoanh nợ, đơn vị được hỗ trợ không phải trả phí quản lý phát sinh, nhưng có trách nhiệm hoàn trả số phí quản lý còn nợ (nếu có). Hết hạn khoanh nợ, đơn vị được hỗ trợ có trách nhiệm hoàn trả Quỹ đầy đủ số vốn gốc được khoanh nợ.

- Hết thời hạn khoanh nợ, nếu đơn vị được hỗ trợ có điều kiện trả nợ nhưng cố tình chây ì không trả nợ thì Quỹ chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật, khởi kiện ra toà án để xử lý nợ theo quy định của pháp luật; nếu đơn vị được hỗ trợ thực sự không còn khả năng trả nợ thì Quỹ xem xét để xử lý xoá nợ theo quy định.

c) Việc xoá nợ do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Hình thức này áp dụng cho các trường hợp quy định tại điểm a, khoản 6, Điều 8, Điều lệ này nhưng chủ đầu tư của dự án không còn khả năng trả nợ sau khi đã tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán.

Điều 9. Nhận uỷ thác và uỷ thác.

1. Nhận uỷ thác:

a) Quỹ được nhận vốn uỷ thác cho vay, tài trợ hoạt động đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng nhận uỷ thác.

b) Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận uỷ thác. Mức phí dịch vụ nhận uỷ thác do các bên thoả thuận trong hợp đồng nhận uỷ thác.

2. Uỷ thác:

a) Quỹ được quyền uỷ thác cho các tổ chức tài chính, tín dụng thực hiện việc cho vay, hỗ trợ theo hợp đồng uỷ thác.

b) Phí uỷ thác Quỹ trả cho các tổ chức nhận uỷ thác do các bên thoả thuận trong hợp đồng uỷ thác.

3. Việc quyết định nhận uỷ thác, uỷ thác và mức phí dịch vụ nhận uỷ thác, uỷ thác do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

Điều 10. Viện trợ, tài trợ.

1. Quỹ được tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác theo tôn chỉ, mục đích, yêu cầu của nhà tài trợ, nhưng không trái với quy định của pháp luật Việt Nam và phù hợp với quy định của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

2. Việc quyết định nhận viện trợ, tài trợ do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

Điều 11. Mua trái phiếu Chính phủ.

1. Quỹ được sử dụng vốn nhàn rỗi không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để mua trái phiếu Chính phủ.

2. Việc quyết định mua trái phiếu Chính phủ do Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

Chương IV

NGUỒN VỐN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ

Điều 12. Vốn điều lệ.

1. Vốn điều lệ ban đầu của Quỹ: 08 (tám) tỷ đồng do ngân sách nhà nước tỉnh cấp từ nguồn vốn sự nghiệp, kể từ khi Quỹ chính thức đi vào hoạt động.

2. Việc điều chỉnh, bổ sung vốn điều lệ của Quỹ do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Sở Tài chính.

Điều 13. Vốn huy động từ các nguồn khác.

1. Các khoản đóng góp tự nguyện của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác.

2. Các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

3. Các khoản viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phục vụ cho các hoạt động hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác.

4. Vốn nhận uỷ thác từ ngân sách tỉnh, từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác.

5. Vốn từ các chương trình, dự án trong và ngoài nước hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác.

6. Các khoản vốn huy động khác theo quy định của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ

Điều 14. Cơ cấu tổ chức.

1. Tổ chức bộ máy quản lý và điều hành Quỹ gồm có: Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát và bộ máy điều hành.

2. Tổ chức bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ hoạt động theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

Điều 15. Hội đồng quản lý Quỹ.

1. Thành phần Hội đồng quản lý Quỹ có tối đa 05 (năm) thành viên gồm: Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh kiêm nhiệm, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ trực tiếp làm Giám đốc Quỹ và các thành viên là đại diện lãnh đạo: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Giám đốc Sở Nội vụ.

3. Hội đồng quản lý Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Xem xét, thông qua phương hướng, chương trình, kế hoạch hoạt động, huy động vốn, cho vay đầu tư, hỗ trợ, tài trợ, uỷ thác, mua trái phiếu Chính phủ; kế hoạch tài chính và báo cáo quyết toán của Quỹ.

b) Ban hành quy chế quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Quỹ; quy chế cho vay, thu hồi nợ, hỗ trợ, uỷ thác, mua trái phiếu Chính phủ và các quy chế về hoạt động nghiệp vụ khác của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này.

c) Phê duyệt chương trình, kế hoạch công tác, hoạt động của Ban Kiểm soát; xem xét báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát.

d) Kiểm tra, giám sát hoạt động của bộ máy điều hành nghiệp vụ Quỹ trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Quỹ và các quyết định của Hội đồng quản lý.

đ) Nhận vốn thuộc sở hữu Nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Quỹ theo quy định của pháp luật.

e) Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ, xem xét, quyết định cơ cấu tổ chức Bộ máy điều hành Quỹ; quyết định thành lập, giải thể các bộ phận giúp việc của Bộ máy điều hành theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

g) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

h) Đề xuất với Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh cùng với Giám đốc Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung vốn điều lệ của Quỹ.

i) Trình Chủ tịch UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

k) Được sử dụng con dấu của Quỹ trong các hoạt động giao dịch, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều lệ này.

l) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Các cuộc họp của Hội đồng phải có ít nhất 03 (ba) trong 05 (năm) thành viên của Hội đồng tham dự. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau, bên nào có phiếu của người chủ tọa cuộc họp là quyết định.

b) Hội đồng quản lý Quỹ họp thường kỳ 03 (ba) tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ có thể triệu tập họp bất thường theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Giám đốc Quỹ.

5. Hội đồng quản lý (trừ thành viên là Giám đốc Quỹ) làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và được hưởng các chế độ theo quy định của Nhà nước.

6. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Điều 16. Ban Kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát Quỹ có tối đa 03 (ba) thành viên. Trưởng Ban Kiểm soát do Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm. Các thành viên do Hội đồng quản lý bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.

2. Các thành viên Ban kiểm soát làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và được hưởng các chế độ theo quy định của Nhà nước.

3. Ban Kiểm soát có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và tổ chức triển khai độc lập.

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quyết định của Hội đồng quản lý; báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và người có thẩm quyền về kết quả kiểm tra, giám sát và kiến nghị biện pháp xử lý.

c) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên của Ban được Trưởng Ban uỷ quyền tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý nhưng không có quyền biểu quyết.

5. Kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Điều 17. Bộ máy điều hành.

Cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của Quỹ gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

1. Giám đốc Quỹ:

a) Giám đốc Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

b) Giám đốc Quỹ là đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

c) Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức Bộ máy điều hành để thực thi nhiệm vụ trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

- Tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ; Quyết định của Hội đồng quản lý và các quy định của pháp luật.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động, phương án huy động vốn, cho vay đầu tư, hỗ trợ, tài trợ; kế hoạch tài chính và lập báo cáo quyết toán Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và tổ chức thực hiện.

- Ban hành hoặc trình Hội đồng quản lý Quỹ ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ của Quỹ theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ. Giám đốc Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Trưởng, Phó phòng của Quỹ; quyết định bố trí, sử dụng cán bộ nhân viên của Quỹ theo quy định của pháp luật về lao động và Điều lệ này.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân cấp của Hội đồng quản lý Quỹ.

- Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản lý Quỹ.

- Thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định các dự án, phương án vay vốn, xin hỗ trợ, tài trợ của Quỹ; sử dụng cộng tác viên.

- Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

2. Các Phó Giám đốc Quỹ:

a) Các Phó Giám đốc là những người giúp việc cho Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về lĩnh vực được Giám đốc phân công.



b) Chức vụ Phó Giám đốc Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

3. Chức vụ Kế toán trưởng do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, sau khi có văn bản thoả thuận thống nhất của Giám đốc Sở Tài chính.

4. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ

a) Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ máy điều hành gồm có:

- Phòng Hành chính - Quản trị;

- Phòng Kế toán;

- Phòng Nghiệp vụ hỗ trợ.

Mỗi phòng có Trưởng phòng và 01 (một) Phó Trưởng phòng giúp việc Trưởng phòng và một số cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập, giải thể trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

c) Các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Giám đốc Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật.

5. Biên chế của Quỹ:

a) Biên chế của Quỹ thuộc biên chế sự nghiệp nằm trong tổng số biên chế của Liên minh Hợp tác xã tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh giao;

b) Việc tuyển dụng viên chức của Quỹ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Việc hợp đồng lao động một số loại công việc của Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định.

Điều 18. Chế độ đối với viên chức, nhân viên.

1. Viên chức, nhân viên của Quỹ được hưởng lương, thưởng, phúc lợi và các chế độ khác theo quy định như đối với công ty nhà nước. Mức cụ thể do Hội đồng quản lý Quỹ quy định;

2. Cán bộ kiêm nhiệm làm việc cho Quỹ được hưởng chế độ kiêm nhiệm theo quy định của Nhà nước.

Chương VI

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

Điều 19. Chế độ tài chính.

1. Chế độ tài chính của Quỹ thực hiện theo Quy định chế độ quản lý tài chính do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 20. Trích lập quỹ.

Quỹ được trích lập quỹ dự phòng rủi ro; trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi từ thu nhập tài chính theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Quy định chế độ quản lý tài chính do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 21. Công tác kế toán, kiểm toán.

1. Chế độ kế toán của Quỹ được vận dụng theo chế độ kế toán hiện hành của Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thực hiện hạch toán kế toán.

2. Quỹ tự tổ chức kiểm toán hoạt động của Quỹ hoặc thuê kiểm toán độc lập.

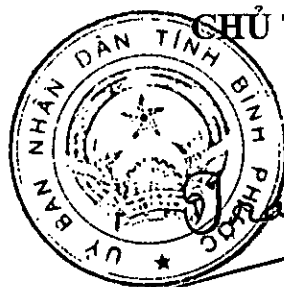
3. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm phê duyệt báo cáo quyết toán hàng năm của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên cơ sở thẩm định của Chủ tịch Liên minh hợp tác xã tỉnh.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Tổ chức thực hiện.

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này./.



CHỦ TỊCH *lll*

Nguyễn Văn Trâm